

Số: 13 /QĐ-NT

Quận 12, ngày 05 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của trường Tiểu Học Nguyễn Trãi

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào Quyết định số: 9125/QĐ-UBND-TC ngày 27/12/2024 của UBND Quận 12 về việc giao dự toán ngân sách năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán nhà trường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường Tiểu học Nguyễn Trãi (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban giám hiệu, các tổ chuyên môn, văn phòng và bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TCKH Q.12;
- Như điều 3;
- Lưu :VT.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Trần Thị Hồng Ân

Đơn vị: Trường Tiểu học Nguyễn Trãi

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 13 /QĐ-NT ngày 05/ 01 /2025 của trường TH Nguyễn Trãi)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

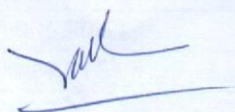
Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	12.446.087.991
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
3	Thu sự nghiệp khác	12.446.087.991
3.1	Tiền Tiếng Anh tự chọn (Khối 1,2 - 2 tiết/tuần)	393.822.000
3.2	Tiền Tổ chức dạy kỹ năng sống (HS 5 khối)	1.655.865.450
3.3	Tiền tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài	4.266.320.000
3.4	Tiền tổ chức Giáo dục STEM	2.039.834.250
3.5	Tiền tổ chức học ngoại ngữ sử dụng phần mềm hỗ trợ (HS K2)	239.476.500
3.6	Tiền tổ chức các lớp năng khiếu, thể dục tự chọn, câu lạc bộ (HS K1,2,3,4,5)	150.000.000
3.7	Tiền tổ chức dạy Tin học quốc tế IC3	480.000.000
3.8	Học Ngoại ngữ thông qua Toán - Khoa	1.608.200.000
3.9	Tiền dịch vụ tiện ích ứng dụng CNTT và chuyển đổi số	319.974.000
3.10	Hỗ trợ thu BHYT	44.950.776
3.11	Căn - tin	126.000.000
3.12	Tiền học phẩm	156.850.000
3.13	Tiền nước uống	306.641.750
3.14	Tiền khám sức khỏe học sinh ban đầu (bao gồm khám nha học đường)	94.110.000
3.15	Tiền sử dụng máy lạnh của lớp học có máy lạnh (tiền điện, chi phí bảo trì - vệ sinh máy lạnh)	439.180.000
3.16	Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu	124.863.266
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	12.384.963.918
1	Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề	12.384.963.918
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	12.384.963.918
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	61.124.074
1	Lệ phí	
2	Phí	
3	Thu sự nghiệp khác	61.124.074
	Nộp thuế GTGT, TNDN tiền căn tin	12.600.000

	Nộp thuế môn bài	1.000.000
	Nộp thuế TNDN	47.524.074
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	33.504.400.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	33.504.400.000
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	33.504.400.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (Loại 070, Khoản 072, Mã nguồn 13)	20.108.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (Loại 070, Khoản 070, Mã nguồn 12)	13.396.400.000

* Ghi chú: theo QĐ số 9125/QĐ-UBND-TC ngày 27/12/2024

KẾ TOÁN



Hoàng Thị Nga

Quận 12, ngày 05 tháng 01 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG



Trần Thị Hồng Ân